

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20/6/2019

V/v “Ly hôn, quyền nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thông Thái
2. Ông Từ Thanh Phương

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Quốc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Lư N Quý,
Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân - Gia đình, thụ lý số: 60/2019 TL-ST HNGĐ ngày 20/02/2019. việc kiện “ ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXX ngày 13/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1977

Trú tại: số 19/3 Bạch Đằng B, khu phố Hải Tân 3, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông **Mai Văn T**, sinh năm 1975

Địa chỉ: số 19/3 Bạch Đằng B, khu phố Hải Tân 3, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Hiện tạm trú tại: số nhà 53 Hàm Nghi, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận

(Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 11 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Mai Văn T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 576 quyền số 03/2003 ngày 03/11/2003 tại UBND thị trấn P. Vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2015, thì ông T lâm vào cảnh nợ nần do cờ bạc, cá độ đá banh, đánh

số đề, đi làm không đưa tiền về cho bà nuôi con, khi bà nói thì ông T tự ý bỏ nhà đi về nhà cha mẹ ruột ông ở, đã nhiều lần bà nộp đơn đến Tòa án xin ly hôn, nhưng ông T không hợp tác cố tình lẩn tránh gây khó khăn cho Tòa án, do không làm việc được với ông T, nên Tòa án đã động viên nên bà rút lại đơn xin ly hôn thì ông T trở về lại.

Lần này, vào khoảng tháng 02/2018 ông T lại cờ bạc thiếu nợ nần và tiếp tục bỏ nhà đi về nhà cha mẹ ông ở, từ đó đến nay không quan tâm đến vợ con.

Nay bà xác định, bà không còn tình cảm vợ chồng với ông T nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: có 02 con, tên Mai Văn Hồng N, sinh ngày 17/9/2004 và Mai Văn Ngà, sinh ngày 07/7/2008 hiện nay đang ở với bà, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi các con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 căn nhà cấp 4 tại số 19/3 Bạch Đằng B, khu phố Hải Tân 3, thị trấn P, bà đang quản lý ở cùng 02 con, vợ chồng bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có

Bị đơn ông Mai Văn T, trong quá trình giải quyết vụ án, không hợp tác, Tòa án đã đến nhà giao giấy triệu tập cho ông, nhưng ông không nhận, nên đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện T, áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H, bà H được ly hôn với ông Mai Văn T.

- Về con chung: giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục Mai Văn Hồng N, sinh ngày 17/9/2004 và Mai Văn Ngà, sinh ngày 07/7/2008 cho đến khi trưởng T; bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: bà H phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T. xét yêu cầu của đương sự, thì đây là vụ kiện

“Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Đối với bị đơn ông Mai Văn T, trong quá trình giải quyết vụ án ông không hợp tác, cố tình lẩn tránh, Tòa án đến nhà giao giấy triệu tập cho ông, nhưng ông không nhận, nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông cũng không đến tòa để tham gia tố tụng, do đó áp dụng b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà H và ông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P theo Giấy chứng nhận kết hôn số 576 quyền số 03/2003 ngày 03/11/2003, tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Theo bà H khai, sau thời gian chung sống, đến khoảng đầu năm 2015 ông T lâm vào cảnh nợ nần do cờ bạc (cá độ đá banh, đánh số đề) không có trách nhiệm với gia đình, ông T tự ý bỏ nhà đi về nhà cha mẹ ruột ông ở, đã nhiều lần bà H nộp đơn đến Tòa án xin ly hôn, nhưng ông T không hợp tác cố tình lẩn tránh gây khó khăn cho Tòa án. Lần này, vào khoảng tháng 02/2018 ông T lại cờ bạc thiếu nợ nần và tiếp tục bỏ nhà đi về nhà cha mẹ ông ở, từ đó đến nay không quan tâm đến vợ con. Tại tòa hôm nay, bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T nữa và yêu cầu xin được ly hôn với ông T.

Như vậy, mục đích hôn nhân của họ không đạt được hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa. Do đó yêu cầu xin được ly hôn của bà H là chính đáng, Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 02 con, tên Mai Văn Hồng N, sinh ngày 17/9/2004 và Mai Văn Ngà, sinh ngày 07/7/2008 hiện đang ở với bà H, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Theo nguyện vọng của các con là xin được tiếp tục ở với mẹ. Để đảm bảo tính ổn định trong cuộc sống và sinh hoạt của các con, nên cần được duy trì quyền trực tiếp nuôi con đối với bà H.

[2.3] Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 căn nhà cấp 4 tại số 19/3 Bạch Đằng B, khu phố Hải Tân 3, thị trấn P, bà đang quản lý ở cùng 02 con, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: không có, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở đúng pháp luật, nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, khoản 1 khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: cho bà Huỳnh Thị H ly hôn với ông Mai Văn T.
2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Mai Văn Hồng N, sinh ngày 17/9/2004 và Mai Văn Ngà, sinh ngày 07/7/2008 cho bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con đủ tuổi T niên; bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bà H không được ngăn cản ông T quyền gặp gỡ, thăm nom và chăm sóc con chung.
3. Về tài sản chung: tự thỏa thuận; về nợ chung: không có
4. Về án phí: Bà H phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí của bà H, nộp tại biên lai thu tiền số 0025858 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.
5. Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/6/2019). Đối với bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- VKS (tỉnh + huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Chi cục THA huyện;
- Đương sự
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thạch